

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2020/DS-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Nguyễn Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Đường N, Phường O, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền ngày 11/9/2019. (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh K K, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú cuối cùng: đường Đ, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Ngày 25/7/2008, ông Huỳnh K K ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế) với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Ngày 31/07/2008, căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng sử dụng với hạn mức 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,10%/tháng; lãi suất tính theo ngày được tính bằng lãi suất tháng chia cho 30 ngày. Sau đó, điều chỉnh lãi suất thành 2,15%/tháng theo Thông

báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011. Đồng thời, trong thời gian ông K sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng đã ban hành: bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có hiệu lực từ 25/08/2008 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có hiệu lực từ 20/09/2013.

Sau khi được cấp thẻ, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 61.582.583 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày 31/8/2008 đến ngày 31/11/2013, ông K đã thanh toán cho Ngân hàng nhiều lần với tổng số tiền 70.605.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch, ông K có chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên số tiền mà ông K thanh toán từng đợt được áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được Ngân hàng áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở trả nợ ông K không có thiện chí trả đầy đủ các khoản nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 9.013.343 đồng sang thành nợ quá hạn ngày 01/4/2014 theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông K thanh toán số tiền nợ gốc 9.013.343 đồng và tiền lãi chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 27/8/2020 là 22.681.949 đồng, tổng cộng là 31.695.292 đồng và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là ông Huỳnh K K không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và tiền lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông Huỳnh K K trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 31/7/2008. Công an phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú xác minh: *Đ/s Huỳnh K K – SN: 1969 đăng ký HKTT: --/-- Đ, phường S, Q. Tân Phú nhưng thực tế không cư trú tại địa phương. Hiện ở đâu không rõ.*

Xét thấy, ông K đi khỏi nơi cư trú ghi tại hợp đồng tín dụng mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn và chính quyền địa phương nơi cư trú là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Xét đây là tranh chấp hợp đồng, cụ thể là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông K vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông K thanh toán số tiền nợ gốc 9.013.343 đồng và tiền lãi chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 27/8/2020 là 22.681.949 đồng; tiền lãi phát sinh từ ngày 28/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông K không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Tóm tắt sao kê và các chứng từ do nguyên đơn giao nộp thể hiện ông K đã giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thông qua Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế (ông K ký ngày 25/7/2008, Ngân hàng phê duyệt ngày 31/7/2008). Sau đó, Ngân hàng đơn phương ban hành các tài liệu sau: Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 25/8/2008, Thông báo Số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 20/9/2013. Mặc dù ông K không trực tiếp ký nhận các tài liệu này nhưng vẫn tiếp tục giao dịch từ ngày kích hoạt thẻ cho đến lần giao dịch (thanh toán) cuối cùng vào ngày 30/11/2013. Các bản Điều khoản và Điều kiện, Thông báo vừa nêu phù hợp với quy định tại Điều 12 của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế mà ông K đã ký. Do đó, các tài liệu nêu trên được xác định là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Từ các căn cứ vừa nêu, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ông K đã giao kết hợp đồng tín dụng ngày 31/7/2008 với Ngân hàng, hạn mức tín dụng là

10.000.000 đồng, lãi suất 2,10%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân; từ ngày 06/7/2011 điều chỉnh thành 2,15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011. Trên thực tế, ông K đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng với số tiền cộng dồn 61.582.583 đồng, ông K đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 70.605.000 đồng. Số tiền thanh toán từng đợt được trừ vào tiền lãi và phí trước, sau đó mới được trừ vào nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên tính đến ngày 31/3/2014, ông K chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền dư nợ gốc là 9.013.343 đồng.

Từ ngày 01/4/2014 đến nay, ông K không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông K trả nợ gốc 9.013.343 đồng và tiền lãi theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại điều Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 20/9/2013 thì tiền lãi chậm trả từ ngày 01/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2020) được tính như sau: $9.013.343 \text{ đồng} \times (2,15\%/\text{tháng} \times 150\%)/30 \text{ ngày} \times 2341 \text{ ngày} = 22.681.949 \text{ đồng}$.

Như vậy, ông K phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 9.013.343 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/8/2020 là 22.681.949 đồng, tổng cộng 31.695.292 đồng.

Từ ngày 28/8/2020 cho đến khi trả hết nợ, ông K còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng.

[4] Về án phí: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.584.765 đồng.

[5] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Huỳnh K K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 9.013.343 đồng và tiền lãi là 22.681.949 đồng, tổng cộng 31.695.292 đồng.

Từ ngày 28/8/2020 cho đến khi trả hết nợ, ông K còn có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng TMCP S phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế (ông K ký ngày 25/7/2008, Ngân hàng phê duyệt ngày 31/7/2008) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của TMCP S.

2. Về án phí: Ông K phải chịu 1.584.765 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 702.032 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020389 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Ngân hàng TMCP S, ông K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Đông